

## GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI KHƠ ME (Nghiên cứu ở xã Lương Hoà, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh)

VŨ ĐÌNH MƯỜI

Giáo dục truyền thống là nhân tố quan trọng liên quan đến việc duy trì bản sắc văn hoá của mỗi cộng đồng tộc người. Để duy trì và phát triển nền văn hoá của mình, mỗi cộng đồng ấy đều có cơ chế giáo dục truyền thống riêng. Tuy nhiên, trong vài thập niên trở lại đây, quá trình giao lưu kinh tế, xã hội, tiếp biến văn hoá đã và đang phát triển mạnh mẽ giữa các cộng đồng, tộc người, quốc gia. Các nền văn hóa bản địa đang bị ảnh hưởng và thay đổi bởi các luồng văn hoá ngoại lai, kể cả mặt tích cực và tiêu cực. Trong lúc này, nếu giáo dục truyền thống được duy trì và phát triển tốt thì không những bản sắc văn hoá được bảo tồn, mà còn góp phần tiếp thu có chọn lọc các nền văn hoá từ bên ngoài, làm giàu và phong phú thêm nền văn hoá bản địa.

Người Khơ me là dân tộc có số lượng dân cư đông nhất ở đồng bằng sông Cửu Long (khoảng 1.100.000 người). Trước đây cũng như hiện nay, mặc dù có nhiều biến động về lịch sử, xã hội, song đồng bào vẫn giữ được những nét đặc trưng văn hoá độc đáo của mình. Điều này cũng chứng tỏ, đồng bào Khơ me có nền tảng giáo dục truyền thống vững chắc. Nghiên cứu giáo dục truyền thống của người Khơ me sẽ góp phần tìm hiểu về văn hoá tộc người, xây dựng cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách; xây dựng phương pháp giáo dục phù hợp cho đồng bào.

Xã Lương Hoà - điểm chúng tôi tiến hành nghiên cứu là một trong số 12 xã của

huyện Châu Thành tỉnh Trà Vinh. Xã có diện tích tự nhiên là 4.662 ha; diện tích gieo trồng - 3253 ha, trong đó diện tích trồng lúa chiếm hơn 90%. Tổng dân số của xã là 22.750 người (4.774 hộ), trong đó người Khơ me có 15.007 người (3.085 hộ), người Việt (Kinh) - 7.743 người (1689 hộ). Tỷ lệ tăng dân số hàng năm khá ổn định, khoảng 2%. Cũng như nhiều cộng đồng người Khơ me khác ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), sống trong vùng đất đai màu mỡ, khí hậu điều hoà, nguồn nước dồi dào, đã từ lâu người Khơ me ở xã Lương Hoà lấy nông nghiệp làm hoạt động kinh tế chính. Cho đến nay, có tới trên 90% số hộ Khơ me làm nghề nông. Trên cơ sở nền kinh tế nông nghiệp lúa nước và nền tảng tư tưởng Phật giáo, các thiết chế xã hội truyền thống được hình thành; các hoạt động văn hoá cũng vận hành xoay quanh trục đó. Hệ thống ứng xử, niềm tin và các giá trị dựa trên nền tảng đạo đức Phật giáo Tiểu thừa. Chính vì thế ngoài chức năng tôn giáo - phần "đạo", nhà chùa còn có vai trò rất lớn trong việc duy trì và ổn định phần "đời" của các thành viên trong phum sóc. Nhà chùa cùng với bộ máy quản lý truyền thống của phum sóc đã tạo nên một chế độ tự quản hết sức đặc thù trong đời sống xã hội cổ truyền của người Khơ me ở ĐBSCL nói chung, người Khơ me ở Lương Hoà nói riêng. Tất cả các đặc điểm chung nhất về kinh tế, xã hội và văn hoá như đã nêu trên là cái nôi hình thành nên tính chất, diện mạo, sự tồn tại và phát triển của giáo dục truyền thống.

## 1. Cơ sở cho sự vận hành giáo dục truyền thống

Cơ sở cho sự vận hành của giáo dục truyền thống ở đồng bào dân tộc Khơ me là ý thức tự giác của mỗi thành viên, tính cố kết trong cộng đồng, các hoạt động văn hoá của cộng đồng...

Trên cơ sở kinh tế nông nghiệp lúa nước và các hoạt động văn hoá - xã hội gắn với nhà chùa, đồng bào Khơ me thường cư trú lâu dài, tập trung trên các giồng đất cao ráo trong phum sóc. Nhà chùa trở thành biểu tượng, trung tâm sinh hoạt văn hoá xã hội, góp phần tạo nên sự cố kết cộng đồng của đồng bào. Trong lịch sử, nhà chùa không chỉ có vai trò tôn giáo đơn thuần mà còn tham gia tích cực vào đời sống xã hội, văn hoá của người dân, là bộ phận quan trọng trong bộ máy tự quản phum sóc... Một trong những chức năng quan trọng nhất của nhà chùa Phật giáo tiểu thừa Khơ me là chức năng giáo dục. Việc giáo dục trong nhà chùa đã trở thành chuẩn mực, góp phần hình thành tư cách đạo đức, nhân phẩm của các thành viên trong phum sóc, đặc biệt với người con trai.

Người Khơ me ở xã Lương Hoà có tới 8 ngôi chùa, đó là chùa *Áng* ở ấp Ba Se B, chùa *Bình La* ấp Bình La, chùa *Săm Bua* ấp Sam Bua, Chùa *Lò Gạch* ấp Ba Se A, chùa *Sa Net* ấp Chà Dư, chùa *Chom Ka* ấp Tân Ngại, chùa *Xa Mút*, chùa *Chông Thop* ấp Hoà Lạc A. Xã Lương Hoà còn có di tích *Ao Bà Òm* nổi tiếng, và cũng là nơi có bảo tàng văn hoá Khơ me. Chính vì thế đây cũng là trung tâm sinh hoạt văn hoá Khơ me của tỉnh Trà Vinh. Cũng như người Khơ me ở ĐBSCL nói chung, người Khơ me xã Lương Hoà có rất nhiều lễ hội

truyền thống khác nhau, như: Tết năm mới (*Cho chnan thmay*) được tổ chức vào giữa tháng 4 dương lịch hàng năm, lễ cúng trăng hay lễ "đút cốm dẹt" (*ok om bok*) tháng 11 dương lịch, lễ cúng các vị thần arak, lễ cúng ông bà..., và các nghi lễ như bơi thuyền cạn (*um tuk l'kok*), tục cầu mưa (*sophun to*), tục thả đèn nôi (*loi phratib*)...; ngoài ra còn các nghi lễ Phật giáo được tổ chức đan xen một cách nhịp nhàng với sự luân chuyển của các chu kỳ mùa vụ. Các lễ hội, nghi lễ này dựa trên cơ sở tín ngưỡng dân gian, Phật giáo tiểu thừa và cả những tàn dư của tín ngưỡng Bà la môn giáo, được kết hợp nhuần nhuyễn, hoà quện vào nhau. Các sinh hoạt này đã tồn tại lâu dài trong đời sống cổ truyền của người Khơ me và thực sự đã trở thành một môi trường văn hoá đặc trưng, sinh động và thực tế để nuôi dưỡng văn hoá tộc người cho nhiều thế hệ. Nhìn vào lịch sử, ĐBSCL là khu vực chịu nhiều biến động về chính trị - xã hội. Sự thay đổi của các chế độ xã hội đã có tác động không nhỏ đến giáo dục truyền thống trong cộng đồng người Khơ me. Ở thời kỳ đầu, khi mới định cư tại ĐBSCL và cả trong thời kỳ phong kiến, giáo dục truyền thống của họ chỉ khép kín trong các phum sóc, ít bị chi phối bởi các chính sách giáo dục của nhà nước trung ương. Đến thời kỳ Pháp thuộc, để thực hiện chính sách chia để trị, chính quyền đô hộ một mặt vẫn duy trì các trường chùa để mị dân, mặt khác cũng lập nên các trường công, dạy tiếng Pháp, tiếng Khơ me để đào tạo tay sai người Khơ me phục vụ cho bộ máy thuộc địa. Sau 1954, để thực hiện đồng hoá cưỡng bức, lấy cố thống nhất văn tự, chính quyền Diệm đã ra lệnh bỏ các lớp "Miên ngữ" ở các trường công lập, bắt buộc trẻ em Khơ me địa

phương phải học bằng Việt ngữ. Sau khi giải phóng miền Nam, Đảng và Nhà nước ta đã không ngừng quan tâm đến việc phát triển văn hoá truyền thống của người Khơ me ĐBSCL, thể hiện qua Chỉ thị 16/CT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ra ngày 15/5/1978 về việc dạy tiếng Khơ me ở cấp I; Chỉ thị 117/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương ra ngày 29/9/1981 với chủ trương dạy xen kẽ chữ Khơ me với chữ phổ thông, đào tạo đủ và bố trí hợp lý giáo viên dạy chữ Khơ me; Chỉ thị 68/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương ra ngày 18/4/1991 về công tác giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc Khơ me, trong đó nhấn mạnh đến công tác dạy chữ Khơ me và việc sử dụng tiếng Khơ me trên các phương tiện thông tin đại chúng.... Ngoài ra các cơ quan chức năng ở địa phương cũng tiến hành nhiều biện pháp thích hợp để cụ thể hoá chính sách của Đảng và Nhà nước. Các chính sách và chủ trương của Đảng và Nhà nước ta đã có những ảnh hưởng tích cực đến việc phát triển giáo dục nói chung và giáo dục truyền thống nói riêng. Sinh sống và có quan hệ gần gũi với các tộc người láng giềng như người Hoa, người Việt (Kinh)... , nên người Khơ me ở ĐBSCL nói chung, người Khơ me ở Lương Hoà nói riêng cũng chịu sự tác động không ít về văn hoá từ các tộc người này, trong đó có những ảnh hưởng đến giáo dục truyền thống. Sự ảnh hưởng từ các tộc người khác và bối cảnh văn hoá chung của đất nước cũng khiến cho giáo dục truyền thống của người Khơ me có ít nhiều thay đổi, đặc biệt là việc chọn lựa và định hướng các giá trị...

## 2. Giáo dục ngôn ngữ

Ngôn ngữ của người Khơ me nằm trong nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ me,

thuộc ngữ hệ Nam Á. Cũng như nhiều ngôn ngữ, tiếng Khơ me cũng chịu nhiều ảnh hưởng của các ngôn ngữ khác như Việt, Hoa, Pháp..., đặc biệt là Phạn ngữ (tiếng *Pāli*). Tuy nhiên những ảnh hưởng này chủ yếu là trên phương diện từ vựng. Trong sinh hoạt thường ngày, đồng bào dùng các từ Khơ me để giao tiếp. Để thể hiện các sự vật hiện tượng phức tạp, trừu tượng...bà con thường vay mượn các từ trong chữ *Pāli*. Vì vậy giới trí thức, sư sãi Khơ me thường rất thông thạo chữ *Pāli*.

Đồng bào Khơ me thường sống co cụm trong các phum sóc. Chính vì thế, trẻ em Khơ me từ khi sinh ra đã có môi trường thuận lợi để trau dồi văn hoá nói chung và tiếng nói của dân tộc mình nói riêng. Bà con Khơ me thường dùng tiếng mẹ đẻ để giáo dục con cái và giao tiếp trong cộng đồng. Họ quan niệm đã là người Khơ me, trước hết phải nói được tiếng Khơ me. Họ cũng sử dụng tiếng phổ thông, song chỉ khi giao tiếp với người thuộc dân tộc khác hay khi có công việc về hành chính. Có một số người Khơ me không nói hoặc không thông thạo tiếng phổ thông.

Người Khơ me rất coi trọng việc học hành và tu dưỡng đạo đức của con cái, đề cao cái nhân, cái thiện. Họ sống là để tích phúc cho kiếp sau - theo quan niệm luân hồi của Phật giáo. Họ cho rằng muốn biết thì phải học chữ, và như thế sẽ thấu hiểu giáo lý nhà Phật và trở thành người có đạo. Họ không quản khó nhọc để nuôi con cái mình tu học. Chính vì thế trẻ em Khơ me, không kể trai hay gái, đến 5,6 tuổi đã được đưa vào chùa học chữ. Nữ giới tuy không được tu để trở thành các ông *Lục* như nam giới nhưng được phép vào chùa học tới bất cứ thời điểm nào. Trước đây,

nhất là trước và trong thời kỳ phong kiến, nhà chùa là nơi thực hiện chức năng giáo dục nói chung và dạy chữ nói riêng, gần như duy nhất trong các cộng đồng người Khơ me. Đảm nhận công việc này là các vị *Lục*, các vị *Acha*, *Ama*, những người có nhiều hiểu biết, thông thạo chữ nghĩa và văn hoá dân tộc. Các vị *Ama* có học thức và được đào tạo chính qui hơn *Acha* và số lượng cũng ít hơn<sup>1</sup>. Thông thường họ là những người học hành giỏi, có học thức, được các vị *Lục* và bà con tín nhiệm mời ra làm thầy cho các tăng đồ, các vị *Lục* trẻ tuổi. Người Khơ me rất coi trọng việc học hành. Họ có câu tục ngữ "*Lic che một phi riêng meane mōk phi rôk*" (Muốn biết phải học, muốn giàu phải làm). Do đó các thầy dạy bao giờ cũng được tôn kính và quý trọng. Họ cho rằng "*Chong ches trau sam lap acha*" (Muốn hay chữ phải yêu thầy). Mỗi chùa thường có 1-2 *Acha*, *Ama*; chùa nào nhiều tăng đồ thì có 3-4 *Acha*, *Ama*.

Ngôn ngữ được dạy trong nhà chùa gồm tiếng Khơ me và tiếng *Pāli*. Trong học chữ, các tăng đồ thường gắn liền với học kinh thư, giáo lý, nghi lễ nhà Phật. Các bộ kinh Phật thường bằng chữ *Pāli*, do đó các vị *Lục* phải học chữ *Pāli*. Tiếng *Pāli* có khả năng truyền tải được thông tin từ nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, do đó học chữ *Pāli* còn giúp cho người học nắm bắt, diễn đạt được các vấn đề khác nhau về cả tự nhiên và xã hội. Học tiếng *Pāli* sẽ giúp bổ sung và hoàn chỉnh những khiếm khuyết của tiếng Khơ me. Việc này cũng tương tự như người Việt sử dụng các từ Hán - Việt trong ngôn

ngữ của mình. Thông thường, khi trẻ em Khơ me lên 5 - 6 tuổi đã được bố mẹ đưa đến chùa để học chữ. Đối với các nam tăng đồ thì đây được coi là thời kỳ chuẩn bị cho việc tu học trong chùa. Chính vì thế khi được "xuống tóc, quy y" vào chùa, các vị *Lục* đã có những kiến thức nhất định về tiếng Khơ me và tiếng *Pāli*. Đối với người con gái Khơ me, tuy không được đi tu như nam, nhưng việc học chữ cũng hết sức quan trọng với cuộc sống sau này. Thông qua học chữ họ hiểu được văn hoá dân tộc, hiểu được điều hay lẽ phải, kiến thức sống.. Đó là hành trang để họ bước vào cuộc sống gia đình, nuôi dạy con cái, quan hệ với bà con láng giềng. Đây là tính ưu việt, vốn từ lâu đã có trong giáo dục truyền thống của người Khơ me ĐBSCL. Điều này cũng phản ánh quan hệ bình đẳng về giới của người Khơ me, tính khoan dung của Phật giáo nơi đây.

Sau lễ "*xuất gia*", ngoài các kiến thức đã được học trước đó, các vị *Lục* còn được bổ sung sâu hơn về ngôn ngữ, đặc biệt là tiếng *Pāli*. Được sự hướng dẫn của các vị *Lục* tu trước, hiểu biết hơn, các vị *Lục* mới tu bắt đầu tập đọc các loại kinh khác nhau như : kinh câu siêu (*đā*), kinh câu an (chúc phúc); học các giới luật của nhà Phật; học thuyết pháp ... Khi trình độ cao hơn thì học "*vô thường học*"- kinh pháp nhà Phật, tìm hiểu về kinh Phật để hiểu và cảm thụ sâu sắc hơn ý nghĩa của từng lời Phật dạy... Thông thường con trai học cho tới khi hoàn tục, con gái thường học đến 16 - 17 tuổi.

Hiện nay, có một số vùng các trường phổ thông không đáp ứng được nhu cầu về giáo dục, đặc biệt là việc dạy song ngữ *Pāli* - Khơ me, do đó nhà chùa trở thành

<sup>1</sup> Ama thường có bằng cao đẳng hoặc đại học Phật giáo ở Campuchia hay Thái Lan, và có lẽ phải đến thời Pháp thuộc mới có tăng lớp này.

cơ sở quan trọng để đào tạo, dạy ngôn ngữ. Nhiều địa phương ở Trà Vinh, trong đó có xã Lương Hoà đã kết hợp cả chương trình phổ thông vào các lớp học trong chùa. Không ít nhà chùa có thư viện và được các cơ quan chức năng ở địa phương cung cấp, hỗ trợ về cơ sở vật chất như sách, báo, vô tuyến, video.. Khi ngành giáo dục ở địa phương đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc đào tạo nguồn giáo viên biết tiếng dân tộc để truyền thụ kiến thức phổ thông, đặc biệt là để dạy tiếng Khơ me, thì nhà chùa đã và đang là nhân tố tích cực góp phần vào giải quyết khó khăn này. Qua phỏng vấn, các giáo viên địa phương cho biết phần lớn các em học sinh người Khơ me, đặc biệt là ở nông thôn vùng sâu ít có điều kiện tiếp xúc với tiếng phổ thông, gặp nhiều khó khăn trong học tập bằng tiếng phổ thông, nhất là ở cấp tiểu học. Do đó việc giáo viên biết tiếng Khơ me sẽ giúp các em nắm bắt các vấn đề được học trong chương trình phổ thông tốt hơn thông qua ngôn ngữ mẹ đẻ.

Sau năm 1975, số lượng các trường học của Nhà nước không ngừng tăng lên cả số lượng và chất lượng trong cộng đồng khu vực người Khơ me, nhưng không vì thế mà vai trò giáo dục của nhà chùa bị mai một. Trong các trường công lập, thời lượng để dạy tiếng Khơ me còn rất ít, hơn nữa việc học tiếng phổ thông và các kiến thức khác lại nhiều nên việc dạy ngôn ngữ dân tộc còn nhiều bất cập. Đây cũng là tình trạng chung trong giáo dục ngôn ngữ ở nước ta. Trong khi đó, phần lớn các bậc phụ huynh học sinh người Khơ me đều mong muốn con em họ học thông thạo tiếng dân tộc mình. Để khắc phục tình trạng này, nhiều gia đình Khơ me đã chủ động đón các vị *Lục* trong chùa về nhà để

dạy và phụ đạo cho con em mình trong những ngày nghỉ học.

### 3. Giáo dục lao động

Trong đời sống cổ truyền của người Khơ me, việc giáo dục lao động cho con cái luôn được coi trọng. Hiệu quả, chất lượng lao động luôn là thước đo chân thực của cộng đồng đối với nhân cách của mỗi thành viên. Về truyền thống, giáo dục lao động thường dựa trên cơ sở các hoạt động kinh tế - xã hội cơ bản, cụ thể ở mỗi cộng đồng. Ví dụ, ở các tộc người thuộc khu vực vùng cao như Trường Sơn - Tây Nguyên, miền núi phía Bắc, trong đời sống cổ truyền, con trai thường được học và giỏi về săn bắn, con gái thường được học và giỏi về hái lượm...

Sống trong vùng đồng bằng đất đai màu mỡ, nguồn nước dồi dào, đã từ lâu, người Khơ me lấy nông nghiệp trồng lúa nước làm nền tảng cơ bản trong hoạt động kinh tế của mình. Bên cạnh đó các hoạt động thủ công truyền thống của họ cũng phát triển và đạt đến đỉnh cao về kỹ thuật, nghệ thuật. Các hoạt động thủ công hỗ trợ cho nông nghiệp trồng trọt, phục vụ cho sinh hoạt gia đình luôn được phát triển. Do có bình đẳng trong hôn nhân và gia đình như quan hệ về thừa kế, cư trú...mà vị trí của người đàn ông và đàn bà không bị phân biệt. Việc phân công lao động chỉ đơn thuần dựa trên cơ sở thể chất chứ không dựa trên sự phân biệt địa vị thấp kém. Đây là đặc điểm ưu việt trong quan hệ về giới trong đời sống cổ truyền của người Khơ me ĐBSCL.

Theo bà con địa phương, khi trẻ em 6 - 7 tuổi, các thành viên lớn tuổi trong gia đình, nhất là ông bà, cha mẹ sẽ hướng cho các em làm quen với các công việc trong

gia đình sau giờ đi học ở chùa, như quét dọn, giữ vệ sinh cá nhân, sắp xếp chỗ ăn, chỗ ngủ... Con gái thường bắt đầu làm quen với nấu nướng, nội trợ, đan lát vì sau này khi trở thành vợ, thành mẹ họ phải chăm lo công việc nội trợ... Lớn hơn, các em được theo người lớn ra đồng cày cấy, chăn thả trâu bò, săn bắt, hái lượm, đan lát... Chính sự tham gia các hoạt động lao động sản xuất, được sự chỉ bảo của những người thân trong gia đình, bà con láng giềng trong phum sóc, cộng thêm sự nỗ lực của bản thân nên các em ngày càng thành thạo với công việc. Ý thức lao động cũng được hình thành. Thông qua công việc và dư luận của cộng đồng, các em ý thức được việc làm của mình, việc nào thường do nam giới làm, việc nào thường do phụ nữ làm. Trong cuộc sống lao động hàng ngày trẻ em không những được chỉ bảo về các công việc cụ thể, cách thức, kỹ thuật làm việc, truyền đạt các kinh nghiệm mà còn được khuyến khích, dạy dỗ về tinh thần, đạo đức trong lao động. Cũng như người Việt, bà con Khơ me địa phương có câu "*Bơ chong ôi sruch dôch bun la trâu te ôs sa dôs đek đầu*" (Có công mài sắt có ngày nên kim) hay "*Kom thót y nưng day kom thalay y nưng mote*" (Thấy việc thì làm, thấy người thì chào).

Qua tài liệu phỏng vấn và quan sát ở địa phương cho thấy: trong hoạt động trông trọt (lúa và hoa mầu), nam thường đảm đương các công việc như chuẩn bị đất, chuyển mạ, sạ lúa, tháo nước, phun thuốc sâu, gánh chuyển lúa về nhà...; nữ thường làm các công việc như chuẩn bị giống, gieo, cấy, chăm sóc, nhổ cỏ. Còn các công việc khác như nhổ mạ, đắp bờ, gặt, tuốt lúa, phơi phóng, cất trữ, trông rau... thì cả hai giới cùng tham gia. Việc trông

các loại cây ăn quả, cây công nghiệp, cây lấy củi, gỗ thường do nam giới đảm nhận.

Trong chăn nuôi đại gia súc, khi còn nhỏ trẻ em đều tham gia sau giờ học hành. Lớn lên, với công việc chăn thả gia súc, phụ nữ đảm đương nhiều hơn. Việc nuôi lợn, gà, nuôi cá là của cả hai giới, nhưng nuôi vịt thì thường do nam giới đảm nhiệm. Trong hoạt động thủ công nghiệp, nhất là việc làm ra các sản phẩm phục vụ cho sản xuất, đánh bắt, sinh hoạt gia đình, các em nhỏ thường được làm quen ngay trong gia đình mình và thường tham gia trong những lúc rảnh rỗi. Các em nam thường được hướng cho làm các công việc như mộc (đóng bàn ghế, ghe thuyền, làm nhà...), rèn (dao, cuốc, xẻng...) và các sản phẩm cần nhiều sức lao động. Các em gái thường được dạy và làm các việc như đan tranh dứa lợp nhà, đan lưới, dệt chiếu, túi, bị, thảm, các loại vải. Hoạt động thủ công nghiệp của người Khơ me rất phát triển, các sản phẩm của bà con thể hiện độ tinh xảo, chất lượng cao. Điều đó chứng tỏ giáo dục lao động trong hoạt động này được bà con chú ý coi trọng. Trong xã hội truyền thống, khi nguồn lợi thiên nhiên còn sẵn có, nhất là thủy sản và các loại rau củ, hoạt động săn bắt hái lượm có vị trí quan trọng trong đời sống hàng ngày của người dân nơi đây. Trẻ em Khơ me ngay khi còn nhỏ đã được làm quen với công việc này. Các em nam ngay từ bé đã theo cha anh và bè bạn đi đặt bẫy, đánh cá, bắt chuột, cây, cáo... Các em gái thì theo mẹ, theo chị ra đồng, ra vườn tạp... hái rau, quả, tát nước bắt cá, mò cua, cắt cỏ, lấy củi... Cả nam và nữ đều rất thạo bơi lội trên sông nước. Các em gái thường được gia đình cho làm quen với các công việc trao đổi mua bán, chợ búa...

Hiện nay, dưới tác động của cơ chế thị trường, nền kinh tế - xã hội nước ta ngày càng phát triển và ảnh hưởng đến mọi cộng đồng tộc người từ đồng bằng tới miền núi, từ thành phố tới nông thôn, trong đó có người Khơ me. Trong bối cảnh ấy, hệ thống giáo dục đào tạo phát triển, ngành nghề mở rộng, cơ cấu kinh tế ngày càng đa dạng và không chỉ bó hẹp trong một vùng. Thế hệ trẻ ngày càng có nhiều cơ hội để chọn lựa công việc, nghề nghiệp của mình. Tuy nhiên không vì thế mà giáo dục lao động truyền thống ở các tộc người mất đi vai trò vốn có của nó. Giáo dục lao động truyền thống vẫn có vị trí quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực và vật lực ở mỗi địa phương, đóng góp vào công cuộc phát triển chung của đất nước.

#### 4. Giáo dục văn hoá, phong tục, tập quán

Trong các phum sóc của người Khơ me, trẻ em được quan tâm dạy dỗ ngay từ bé về tiếng nói, cách ứng xử trong gia đình, cộng đồng, đặc biệt là phong tục tập quán của dân tộc.

Trong quá trình học chữ ở chùa, các em được truyền thụ cả các kiến thức về văn hoá, về phong tục tập quán dân tộc. Các em còn được tham gia vào sinh hoạt văn hoá như lễ hội, tụng kinh, niệm Phật vào các dịp lễ của nhà Phật, tham gia các nghi lễ cầu mùa, cúng ông bà (*Đôn ta*), cúng thần (*Ărak, Nekta*)...; tham gia các nghi lễ trong chu kỳ đời người như lễ "giáp tuổi" (*Pithi káp chút*), cưới xin, ma chay... Chính các sinh hoạt văn hoá này đã tạo nên môi trường sinh động, giúp trẻ em cảm thụ, trau dồi văn hoá, phong tục tập quán của dân tộc mình.

Với các em trai, khi tới chùa học chữ cũng là thời gian để làm quen với sinh hoạt trong chùa, học và thực hành các quan niệm sống của nhà Phật, của dân tộc mình và là thời kỳ chuẩn bị cho việc tu hành thực sự trong chùa. Trước kia con trai Khơ me từ 12 tuổi trở lên sẽ được đi tu. Đây là một trong những nghi lễ đặc trưng trong phong tục tập quán của người Khơ me ĐBSCL. Theo quan niệm của bà con Khơ me, việc đi tu đối với người con trai là một nghi lễ hết sức quan trọng trong đời người. Nó là chuẩn mực để đánh giá một con người. Vì họ cho rằng vào chùa có nghĩa là biết chữ, am hiểu, có "đạo", biết phân biệt tốt xấu... và như thế sẽ trở thành người tốt. Người Khơ me cho rằng: "*Ri neak minh ban buốt tuk, chia tók knong sao sơ mai*" (Người không được tu trong chùa là người có nhiều tội lỗi) hay "*Nak manh thươ bap teng sa thich nâu kanông tho*" (Người không phạm tội đương nhiên ở trong đạo). Những người đi tu thường được cộng đồng, bà con xóm giềng coi trọng và sau khi hoàn tục họ là đối tượng để các cô gái Khơ me kén làm chồng. Chính vì thế, mặc dù cha mẹ không ép buộc, người con trai luôn tự ý thức được tầm quan trọng của việc đi tu. Thời gian đi tu không nhất thiết phải dài, nhưng ít nhất là 3 tháng. Cũng có người tu 1 năm, 5 năm, 10 năm, hay tu cả đời để trở thành vị *Lục cả*, *Đại đức* tôn kính hoặc hoàn tục lấy vợ. Nếu học giỏi, có thể được nhà chùa và bà con trong phum sóc mời làm *Acha*. Việc đi tu thông thường đối với nam giới là tự nguyện.

Khi đi tu, nam giới được xuống tóc cạo đầu, quy y- mặc áo cà sa, tụng kinh tế độ và thụ giới. Từ giờ phút ấy, địa vị xã hội

của họ đã hoàn toàn thay đổi vì họ trở thành một trong 3 tam bảo của nhà Phật (*Phật, Pháp, Tăng*). Bố mẹ gặp con lúc này phải quì lạy sùng kính. Trong thời gian tu hành các vị *Lục* không được phép ngủ ở nhà, chỉ trong trường hợp đặc biệt mới được phép ngủ ở nhà một đêm nhưng phải được *Lục cả* cho phép. Khi mới vào chùa (khoảng từ 12 tuổi trở lên), các vị *Lục* được gọi là *Sa di (Lục nện)*. Bên cạnh việc học hành tụng kinh họ còn phải làm việc phục vụ cho các sinh hoạt trong nhà chùa như quét dọn, lau chùi, sắp xếp gọn gàng các đồ dùng vật dụng trong chùa, tập ăn chay. Các *Sa di* thường được cử đi quỳn cơm để nhà chùa dùng vào bữa trưa. Ngoài những kiến thức đã được học trước khi đi tu, các *Sa di* được học thêm, sâu hơn về chữ *Pāli* để có thể đọc được các bộ kinh, học các bài học về văn hoá, các giới luật của nhà Phật. Dưới sự giúp đỡ của các vị *Lục* đã tu trước, các *Sa di* bắt đầu học đọc kinh bao gồm các phần: kinh cầu siêu, kinh cầu an, chúc phúc. Các *Sa di* còn được đi theo các vị *Lục* có chức danh cao hơn để làm lễ, cầu kinh ở các gia đình trong phum sóc. Tu được một vài năm các *Sa di* bắt đầu học thuyết pháp, tìm hiểu về các kinh pháp Phật giáo. Thông thường khi tu đến năm 20 tuổi, chức giới của các vị *Sa di* được tăng lên một bậc và trở thành *Tuỳ kheo (Tuỳ khưu, Phích khu)*. Thường thường các vị *Tỳ kheo* là những người có kiến thức khá rõ về Phật pháp, các nghi lễ nhà Phật, do đó có thể độc lập trong việc giảng đạo, cầu kinh (trong những dịp sinh đẻ, cưới gả, ma chay, cúng giỗ ông bà, lễ thượng thọ...), làm lễ, khuyên răn Phật tử. Các vị *Tuỳ kheo* cũng có đủ khả năng để bắt đầu tìm hiểu,

nghiên ngấm những vấn đề kinh kệ nhà Phật, lịch sử... Các vị này có thể tình nguyện tu cả đời để đạt được mức giới cao nhất của nhà Phật (227 giới), trở thành các vị *Lục cả, Hoà thượng, Đại đức* có vị trí cao nhất trong nhà chùa.

Hiện nay, các biến động về kinh tế, xã hội, lịch sử đã có những ảnh hưởng nhất định đến tập tục tu hành của người Khơ me. Số lượng các vị *Lục* trong chùa cũng giảm xuống. Theo thống kê của Ban dân tộc tỉnh Trà Vinh, hiện nay toàn tỉnh có 141 chùa Khơ me và 49 *Hoà thượng*, 273 *Acha* và *Ama*, 2.042 *Tỳ kheo* và 1.242 *Sa di*. Trung bình mỗi chùa có khoảng 25-30 sư sãi và theo đồng bào Khơ me địa phương thì số lượng này chỉ bằng 1/3 so với trước kia.

Đối với người con gái Khơ me, quá trình giáo dục được tiến hành liên tục và có sự định hướng về giới rõ ràng. Trong đời sống cổ truyền, khi việc đi tu đối với người con trai là phổ biến, tu trong thời gian dài thì vai trò của người con gái có vị trí đặc biệt trong gia đình. Họ phải đỡ đàn cha mẹ nhiều hơn nam. Lúc lấy chồng họ là trụ cột chính trong gia đình. Họ phải đảm đương việc nội trợ và chăm sóc, dạy dỗ con cái nhiều hơn... Người con gái không được đi tu như con trai, nhưng họ cũng được đi học chữ trong chùa. Trong thời gian này, họ cũng được học các bài học về văn hoá và ý thức được về bản thân mình. Trước kia, một trong những tập tục quan trọng nhất đối với người con gái trước khi lấy chồng là tục "vào bóng mát" (*chol mo lúp*). Ngoài ý nghĩa đánh dấu sự trưởng thành của cô gái, đề cao vai trò của người phụ nữ trong xã hội, cộng đồng, nó còn mang ý nghĩa giáo dục sâu sắc. Theo tục

này, khi tuổi trăng tròn (khoảng từ 15-20), trước khi lấy chồng, người con gái Khơ me phải vào phòng kín từ 3 tháng đến 1 năm và không được gặp người lạ. Trong thời gian này sẽ được học các công việc nội trợ, chăm sóc gia đình, cách ứng xử khi lấy chồng, nuôi dạy con...từ những người thân có kinh nghiệm trong gia đình mà trước hết là người mẹ, người chị. Họ không phải làm gì ngoài việc học hành, được gia đình chăm sóc. Sau thời gian này người con gái trở nên duyên dáng và đẹp hơn.

Cũng như người Việt, người Khơ me cũng có tục làm lễ thượng thọ hay dâng bông (dâng hoa) cho ông bà, cha mẹ. Một trong những mục đích quan trọng nhất của tập tục này là nhằm giáo dục lòng hiếu thảo, sự kính trọng đối với ông bà cha mẹ, người già. Để tổ chức nghi lễ này, con cháu trong gia đình góp tiền làm cỗ, mời các vị *Lục* đọc kinh chúc phúc cho cha mẹ, ông bà mình.

## 5. Một số nhận xét

Giáo dục truyền thống thực chất là quá trình truyền thụ các giá trị văn hoá tộc người từ thế hệ này sang thế hệ khác. Văn hoá của mỗi cộng đồng tộc người có được duy trì và phát triển hay không, phụ thuộc một phần vào quá trình này.

Giáo dục truyền thống của người Khơ me là một hoạt động có hệ thống, phong phú, chặt chẽ bao gồm nhiều mặt khác nhau: giáo dục ngôn ngữ, lao động, văn hoá và phong tục tập quán. Trong giáo dục ngôn ngữ, tiếng Khơ me và tiếng *Pāli* được dạy kết hợp. Giáo dục lao động tương đối đa dạng và có vai trò nhất định trong các hoạt động kinh tế của người Khơ me.

Trong hoạt động giáo dục có sự kết hợp chặt chẽ giữa vai trò giáo dục gia đình và giáo dục cộng đồng phum sóc, đặc biệt là vai trò của nhà chùa Phật giáo tiểu thừa. Nhà chùa có vai trò to lớn trong đời sống cộng đồng. Hiện nay, tuy có nhiều biến đổi về kinh tế, xã hội, văn hoá, song vai trò của giáo dục truyền thống ở người Khơ me tại xã Lương Hoà vẫn giữ vị trí quan trọng.

## Tài liệu tham khảo

1. Ban Tuyên giáo huyện uỷ Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. *Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Châu Thành*. Trà Vinh, 1999.
2. Đỗ Thuý Bình. *Quan niệm về giáo dục truyền thống ở các gia đình nông dân xưa và nay*. Tạp chí Dân tộc học, số 3, 1996.
3. Nguyễn Khắc Cảnh. *Phum sóc Khơ me ở đồng bằng sông Cửu Long*. Nxb. Giáo dục, H, 1998.
4. Đoàn Trung Côn. *Các tông phái đạo Phật*. Nxb. Thuận Hoá, 1995.
5. Viện KHXH tại TPHCM. *Giáo dục ngôn ngữ và sự phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số phía Nam*. Nxb. KHXH, H, 1993.
6. Đỗ Ngọc Yên. *Giáo dục dòng họ - một vấn đề còn tồn tại*. Tc. Dân tộc học, số 3 - 1996.
7. Vietnam Inter- Censal Demographic Survey 1994: *Education in Vietnam: trends and differentials*. Statistical Publishing House, Hanoi, 1996.